TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2017/HNGĐ- ST
Ngày: 15-12-2017
V/v yêu cầu không công nhận là vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Hùng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Vũ Thị Ngân**

2. Bà **Nguyễn Thị Hường**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Đăng Hạnh** - Thư ký TAND huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tham gia phiên toà: Bà **L Thị Huệ** - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 280/2017/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2017/QĐXX-ST ngày 29 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Duy T, sinh năm 1969

2.Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L (T), sinh năm 1974

Đều ở địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Anh T, chị L đều có mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn yêu cầu giải quyết không công nhận là vợ chồng, bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà, nguyên đơn là anh Nguyễn Duy T trình bày:

Vào tháng 12/1991 (âm lịch) anh và chị Nguyễn Thị L (T) không có đăng ký kết hôn nhưng đã tổ chức đám cưới và về chung sống với nhau như vợ chồng. Quá trình chung sống hoà thuận bình thường đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn cãi nhau do kinh tế khó khăn và tính cách, quan điểm sống khác nhau. Anh và chị L đã không chung

sống cùng nhau từ đầu năm 2017 cho đến nay. Anh T yêu cầu Toà án giải quyết không công nhận anh và chị L là vợ chồng.

Anh và chị L có 03 con chung là Nguyễn Thị N, sinh ngày 09/8/1993; Nguyễn Thị T, sinh ngày 28/10/1998 và Nguyễn Duy H, sinh ngày 31/01/2001. Hiện nay hai con là N và T đã đủ 18 tuổi trưởng thành nên không đặt trách nhiệm nuôi dưỡng. Anh nhất trí để chị L trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Duy H theo yêu cầu của chị L.

Về tài sản: Anh và chị L đã tự thoả thuận phân chia, vợ chồng không nợ ai tài sản gì. Anh T không không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị L (T) trong bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà đã xác nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh chung sống như vợ chồng với anh T nhưng không có đăng ký kết hôn như anh T trình bày là đúng. Quá trình chung sống hoà thuận đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn cãi chửi nhau vì kinh tế và tính cách không hợp nhau. Chị và anh T đã không chung sống cùng với nhau từ đầu năm 2017 đến nay. Chị L đồng ý giải quyết không công nhận vợ chồng với anh T.

Về con chung: Chị L xác nhận chị và anh T có 03 con chung như anh T đã trình bày. Hiện hai con là N và T đã đủ 18 tuổi trưởng thành nên không đặt trách nhiệm nuôi dưỡng. Chị L xin được nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Duy H và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị và anh T đã tự thoả thuận phân chia, vợ chồng không nợ ai tài sản gì. Chị L không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên toà: *Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.*

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; về quan hệ hôn nhân cần giải quyết không công nhận anh T và chị L là vợ chồng; về quan hệ con chung, xử công nhận sự thoả thuận của các đương sự: chị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Duy H. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T do chị L không có yêu cầu; về tài sản không đặt ra giải quyết. Anh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Duy T và chị Nguyễn Thị L (T) chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 cho đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn mặc dù anh chị đã tổ chức đám cưới vào tháng 12/1991. Quá trình chung sống giữa anh T chị L phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do kinh tế khó khăn, tính tình và quan điểm sống không hợp nhau. Anh T và chị L đã không chung sống cùng nhau từ đầu năm 2017 cho đến nay. Xét thực tế giữa anh T chị L đã xảy ra nhiều mâu thuẫn và chị L cũng đồng ý giải quyết không công nhận vợ chồng với anh T, cần chấp nhận yêu

cầu của anh T; xử tuyên bố anh T và chị L (T) không phải là vợ chồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Hai con chung là Nguyễn Thị N, sinh ngày 09/8/1993; Nguyễn Thị T, sinh ngày 28/10/1998 đều đã đủ 18 tuổi trưởng thành nên không đặt trách nhiệm nuôi dưỡng. Anh T và chị L thống nhất thoả thuận giao con chung là Nguyễn Duy H, sinh ngày 31/01/2001 cho chị L trực tiếp nuôi. Chị L không yêu cầu anh T phải góp cấp dưỡng nuôi con chung. Cần xử công nhận sự thoả thuận của các đương sự về việc nuôi dưỡng con chung.

Về quan hệ tài sản: Anh T, chị L đều không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử tuyên bố không công nhận anh Nguyễn Duy T và chị Nguyễn Thị L (T) là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Xử công nhận sự thoả thuận của các đương sự: Chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Duy H, sinh ngày 31/01/2001. Chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T, khi nào các đương sự có yêu cầu, Toà án sẽ giải quyết. Anh T được quyền thăm nom con chung.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Duy T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) anh T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003455 ngày 30/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ thành tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Duy T và chị Nguyễn Thị L (T) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Quỳnh Phụ,
- Các đương sự,
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thế Hùng